

Thứ năm, ngày 24 tháng 10 năm 2019

Vietnam Daily Review

Phiên khởi sắc

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 25/10/2019		●	
Tuần 21/10-25/10/2019		●	
Tháng 10/2019		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong phiên sáng, thị trường diễn biến tích cực nhờ đóng góp của nhóm Bluechips như FPT, GAS, MWG, PNJ. Sang phiên chiều, nhóm Bluechip duy trì nhịp tăng cùng với sự khởi sắc của nhóm ngân hàng, đặc biệt là VCB đã giúp VN-Index trở về ngưỡng 990 điểm. Thanh khoản thị trường cũng hồi phục trở lại với biên độ dao động rộng hơn cho thấy tâm lý giao dịch tích cực. Thị trường tăng điểm trái ngược với xu hướng giảm nhẹ của các thị trường chứng khoán trong khu vực cho thấy yếu tố tăng điểm chủ yếu đến từ dòng tiền nội tại trên thị trường. VN-Index nhiều khả năng sẽ áp sát ngưỡng 1000 điểm trong phiên giao dịch ngày mai khi các thông tin về KQKD quý III tiếp tục hỗ trợ động lực tăng của thị trường.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp canh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 930 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 24/10/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng mạnh. MWG vận động tăng mạnh trong phiên hôm nay sau giai đoạn tích lũy quanh mức 924. Thanh khoản tăng mạnh đồng thuận với tín hiệu tăng ngắn hạn bởi các chỉ báo động lượng. Vận động tăng của MWG có thể tạo động lực tăng giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền_1.2%. 17/17 danh mục Chủ đề có hiệu suất trong ngày **Khả quan**, trong đó có 9/17 danh mục có hiệu suất tốt hơn VNINDEX (0.6%). Đặc biệt, danh mục **Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền** - được xây dựng dựa trên các cổ phiếu được các công ty chứng khoán phát hành Chứng quyền có bảo đảm - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.2%**.

Phân tích kỹ thuật: NTC_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **TCM, KDH, TNG, TCB, BID**

Điểm nhấn

- VN-Index **+5.81 điểm**, đóng cửa 993.60. HNX-Index **+0.48 điểm**, đóng cửa 104.64.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.74); GAS (+0.68); MWG (+0.56); FPT (+0.36); VRE (+0.31)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VPB (-0.25); TCB (-0.10); BHN (-0.08); MSN (-0.07); KBC (-0.06)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,046 tỷ đồng**, tăng **14%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 5.95 điểm. Thị trường có 186 mã tăng, 57 mã tham chiếu và 135 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **85.23 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm GTN (89.2 tỷ), VHM (34.5 tỷ) và VIC (26.8 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **0.30 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

993.60

Giá trị: 3045.6 tỷ

5.81 (0.59%)

Khối ngoại (ròng): -85.23 tỷ

HNX-INDEX

104.64

Giá trị: 191.3 tỷ

0.5 (0.48%)

Khối ngoại (ròng): -0.3 tỷ

UPCOM-INDEX

56.71

Giá trị: 217.86 tỷ

0.11 (0.19%)

Khối ngoại (ròng): -9.57 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	55.7	-0.54%
Giá vàng	1,490	-0.17%
Tỷ giá USD/VND	23,205	-0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,822	0.01%
Tỷ giá JPY/VND	21,351	0.01%
LS liên NH 1 tháng	2.5%	5.02%
LS TPCP 5 năm	2.6%	1.19%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	23.2	GTN	-89.1
PTB	16.9	VHM	-34.5
VJC	16.5	VIC	-26.8
VRE	9.6	BSR	-11.8
HPG	9.3	ROS	-10.8

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **17/17 danh mục** Chủ đề có hiệu suất trong ngày **Khả quan**, trong đó có 9/17 danh mục có hiệu suất tốt hơn VNINDEX (0.6%). Đặc biệt, danh mục **Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền** - được xây dựng dựa trên các cổ phiếu được các công ty chứng khoán phát hành Chứng quyền có bảo đảm - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.2%**.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

- **18/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **khả quan**
- **7/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_ **Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền_1.2%**

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	1.2%	1.2%	0.4%	7.4%	13.7%	14.7%	91.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.1%	0.8%	0.6%	11.3%	17.1%	11.5%	81.2%
Xây dựng & Vật liệu XD	1.0%	0.5%	3.5%	0.9%	-0.8%	-4.0%	-4.6%
Nước & Năng lượng	1.0%	-0.1%	-2.5%	-2.4%	-1.4%	8.8%	50.3%
Hàng tiêu dùng	0.9%	0.4%	0.4%	6.3%	10.7%	10.8%	62.3%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.9%	-0.3%	0.3%	-6.8%	-9.9%	-14.5%	40.8%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.9%	0.8%	0.9%	6.2%	9.4%	7.9%	71.9%
Vật liệu Xây dựng	0.8%	1.6%	4.6%	3.2%	6.9%	5.3%	8.3%
Dầu khí	0.6%	-0.3%	-2.6%	-7.2%	-6.9%	-8.0%	9.5%
BĐS & Khu công nghiệp	0.5%	0.7%	-0.5%	1.5%	3.4%	3.3%	59.0%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.5%	-0.3%	-0.2%	-5.0%	-0.9%	12.0%	46.6%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.5%	-0.5%	3.8%	6.6%	6.2%	0.7%	39.5%
Lãi suất giảm	0.4%	-0.5%	0.5%	-0.4%	2.9%	1.0%	52.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.4%	0.5%	-0.3%	-1.3%	-0.3%	6.6%	78.4%
Xây dựng	0.4%	-2.3%	-5.4%	-3.1%	-6.9%	-12.6%	21.8%
Ngân hàng	0.3%	-1.4%	3.9%	9.4%	11.9%	9.4%	84.0%
Chiến tranh thương mại	0.3%	0.5%	-0.3%	-4.9%	-3.8%	-3.1%	7.2%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 10	1.4%	0.0%	-2.7%	3.9%	10.5%	5.7%	60.8%
Danh mục 12	1.3%	0.4%	-1.6%	5.5%	10.1%	14.4%	106.8%
Danh mục 18	1.3%	0.4%	-0.2%	6.4%	12.9%	18.5%	117.8%
Danh mục 7	0.4%	0.7%	3.4%	3.3%	7.4%	9.1%	50.2%
Danh mục 15	0.2%	0.7%	2.8%	5.2%	10.4%	9.6%	79.6%
* Note	18/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày khả quan						

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 25	1.8%	0.6%	-0.6%	-0.5%	10.7%	25.6%	165.0%
Danh mục 22	1.6%	0.2%	0.4%	11.4%	17.6%	13.8%	76.3%
Danh mục 24	1.2%	1.4%	1.2%	4.5%	11.7%	10.0%	66.7%
Danh mục 23	0.4%	1.0%	2.4%	1.7%	3.2%	7.7%	109.7%
Danh mục 20	0.4%	0.5%	3.0%	1.5%	4.0%	10.1%	21.1%
* Note	7/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày khả quan						

INDEX							
VNINDEX	0.6%	0.4%	0.6%	0.0%	2.0%	3.7%	45.0%
VN30INDEX	0.6%	0.7%	1.4%	4.2%	4.5%	-0.7%	40.6%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

10/24/2019

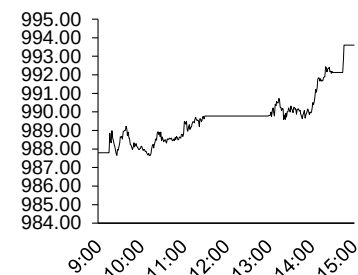
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

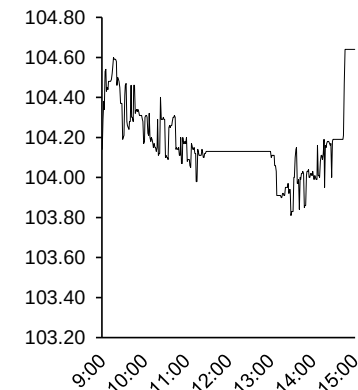
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	-9.6%
Y tế	-0.3%
Ô tô và phụ tùng	0.1%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.1%
Thực phẩm và đồ uống	0.2%
Xây dựng và Vật liệu	0.2%
Bảo hiểm	0.3%
Bất động sản	0.3%
Tài nguyên Cơ bản	0.5%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.6%
Du lịch và Giải trí	0.7%
Hóa chất	0.7%
Dầu khí	0.8%
Ngân hàng	0.8%
Dịch vụ tài chính	0.8%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.9%
Công nghệ Thông tin	2.8%
Bán lẻ	3.1%
Truyền thông	3.2%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

NTC_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: tăng dần và vừa vượt mốc 50.
- Đường MA: EMA12 ở dưới EMA26.

Nhận định: NTC đang trong quá trình tích lũy trong khu vực 150 – 170 và hôm nay đã có một phiên giao dịch khá tích cực. Thanh khoản cổ phiếu đã có sự cải thiện. Hơn nữa, chỉ báo MACD đã xuất hiện Golden Cross, báo hiệu sự kết thúc chuỗi ngày điều chỉnh của NTC. Đồng thời, RSI đang tăng dần và vừa vượt qua giá trị 50, cho thấy dư địa tăng trong ngắn hạn vẫn còn nhiều. Tuy nhiên, do EMA12 vẫn đang ở dưới EMA26 nên NTC nhiều khả năng sẽ gặp áp lực chốt lời tại ngưỡng 170. Dự kiến nếu duy trì được trạng thái tích cực như hiện tại, NTC có thể vượt qua khu vực tích lũy để quay trở lại vùng giá 180 trong tương lai không xa.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Luận điểm đầu tư

Tháng 9/2018, Chính phủ đã phê duyệt dự án KCN Nam Tân Uyên 3 với diện tích thương phẩm 255ha/345ha, với giá thuê dự kiến 65USD/m². Ngoài ra, NTU nhận bàn giao đất cao su già từ 2 cổ đông lớn là VRG và PHR nên DN có lợi thế quỹ đất sạch, cần ít chi phí và thời gian để giải tỏa đền bù và giá vốn rẻ bằng ½ các DN trong ngành. Do đó, chúng tôi cho rằng kỳ vọng biên LNG sẽ tiếp tục cải thiện trong những năm tới.

Chúng tôi cho rằng NTU3 sẽ là động lực tăng trưởng chính cho NTC trong thời gian tới, tốc độ lấp đầy trong vòng 3-4 năm, nhanh hơn NTU1 và NTU2 trung bình 5-6 năm do KCN đang được hưởng lợi từ việc dịch chuyển công xưởng Trung Quốc xuống Việt Nam và làn sóng FDI thông qua các hiệp định thương mại tự do CPTPP và EVFTA. BSC ước tính NTU3 sẽ đem lại tổng lợi nhuận kỳ vọng là 2932.5 tỷ đồng ghi nhận trong vòng 4 năm.

Chi tiết tham khảo BSC - iBroker: Express NTC 2019Q1

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

TCM_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

KDH_Bút phá

[Link](#)

TNG_Hồi phục

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 24/10/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 24/10	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	55.78	2.95%	4.56%	-2.62%	-16.51%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	61.01	2.13%	2.70%	-3.29%	-19.88%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.65	2.45%	1.60%	-0.21%	-9.41%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1493.55	0.30%	0.28%	-2.50%	21.07%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.57	0.26%	1.02%	-5.45%	19.97%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	934.93	-0.03%	0.75%	4.55%	9.96%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	522.23	0.68%	1.75%	8.40%	4.55%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.65	0.00%	0.16%	2.14%	20.32%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	148.40	-0.34%	-0.47%	-10.17%	2.34%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.15	-0.25%	-1.62%	5.65%	-13.28%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.24	0.00%	3.18%	4.85%	-3.57%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	97.75	-1.16%	4.49%	-1.41%	-18.71%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.66	1.47%	3.18%	2.78%	-3.10%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3487.00	0.26%	-4.47%	-7.60%	-23.70%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1719.00	-0.58%	-0.52%	-3.70%	-13.92%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	84.50	-1.17%	-6.63%	-8.15%	12.67%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	68.07	-1.45%	-0.07%	-1.49%	-38.55%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, dầu thô Brent kỳ hạn tháng 12 tăng 1.47 USD hay 2.5%, lên 61.17 USD/thùng, trong khi dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 11 tăng 1.49 USD hay 2.7%, lên 55.97 USD/thùng.
- Giá dầu tăng khoảng 2.5% trong phiên vừa qua sau khi Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) công bố số liệu gây bất ngờ là tồn trữ dầu thô của nước này giảm 1.7 triệu thùng trong tuần qua do các nhà máy lọc dầu nâng công suất thêm 429,000 thùng/ngày và nhập khẩu giảm, trái với dự đoán của các nhà phân tích là tăng 2.2 triệu thùng.
- Các thông tin cung – cầu từ Mỹ cùng với tín hiệu phát đi từ Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) và đồng minh của họ về khả năng sẽ cắt giảm sản lượng hơn nữa đang đẩy giá dầu đi lên, mặc dù thị trường vẫn lo ngại về triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.2% lên 1,491 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 12/2019 trên sàn New York tăng 0.6% lên 1,495.7 USD/ounce.
- Giá vàng tăng trong phiên vừa qua bởi giới đầu tư bị bất ngờ khi Quốc hội Anh quyết định hoãn Brexit. Dự báo các ngân hàng trung ương tiếp tục nới lỏng tiền tệ càng góp phần đẩy giá vàng lên.

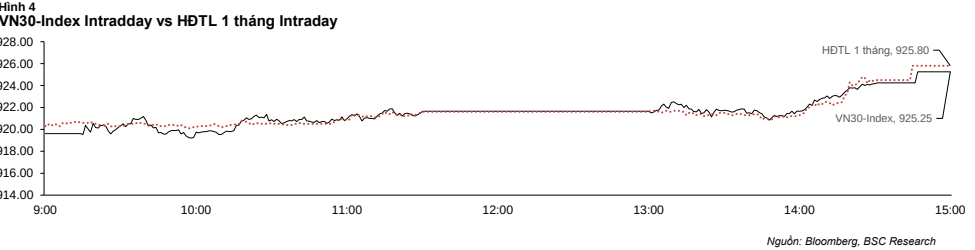
Giá quặng sắt

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Đại Liên tăng thêm 1.2% lên 521 CNY/tấn. Thép cây kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 0.2% lên 3,312 CNY/tấn. Thép cuộn cán nóng cùng kỳ hạn tăng 0.4% lên 3,315 CNY/tấn.
- Giá thép tại Trung Quốc tăng phiên thứ 2 liên tiếp do có thêm nhiều thành phố ở miền Bắc nước này cảnh báo về ô nhiễm và buộc các nhà máy hạn chế sản xuất. Tồn trữ thép ở Trung Quốc giảm xuống 10.45 triệu tấn trong tuần tới 17/10/2019, mức thấp nhất kể từ 25/1/2019.

Giá cao su

- Hợp đồng kỳ hạn tháng 3 trên sàn TOCOM tăng 4.6 JPY (2.8%) lên 170.4 JPY (1.57 USD)/kg. Hợp đồng kỳ hạn tháng 1/2020 tại Thượng Hải giá vững ở 11,840 CNY (1,674 USD)/tấn. Giá cao su kỳ hạn trên sàn Tokyo tăng lên mức cao nhất 5 tuần trong phiên vừa qua do lo ngại dịch bệnh trên cây cao su ở nước sản xuất số 1 thế giới – Thái Lan – có thể ảnh hưởng đến nguồn cung. Một khu vực trồng cao su quan trọng của Thái Lan đã bị dịch nấm lá trên cây, có thể khiến sản lượng của khu vực này giảm một nửa.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F1911	925.80	0.69%	0.55	9.3%	46732	11/21/2019	28
VN30F1912	925.00	0.67%	-0.25	317.1%	146	12/19/2019	56
VN30F2003	924.90	0.70%	-0.35	100.0%	20	3/19/2020	147
VN30F2006	926.70	0.93%	1.45	376.9%	62	6/18/2020	238

Source: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +5.64 điểm lên mức 925.25 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như MWG, FPT, HDB, VCB, và HPG tác động mạnh đến vận động tăng điểm của VN30. VN30 tăng vừa phải trong phiên sáng, vận động quanh vùng 920-921 điểm. Sang phiên chiều, VN30 tăng tích cực, cuối phiên vượt lên trên 925 điểm. Thanh khoản phục hồi, đồng thuận cùng vận động tăng điểm của chỉ số. Dự dpa tăng còn khá lớn, VN30 có thể kiểm tra ngưỡng 930 điểm trong những phiên tới. Tuy vậy, nhà đầu tư cần thận trọng trước những nhịp rung lắc mạnh khi chỉ chỉ số tiếp cận kháng cự 927 điểm.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F1912, các hợp đồng khác đều giảm. Điều này báo hiệu việc điều chỉnh giảm trong trung hạn. Tuy vậy, nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp canh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 930 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CHPG1907	SSI	4/22/2020	181	1.1	43,920	n/a	1.0 triệu	27.93%	4,200	4,010	n/a	2,513.80	1.60
CMBB1903	SSI	4/22/2020	181	1.1	15,180	n/a	3.0 triệu	16.84%	4,000	4,060	n/a	1,939.20	2.09
CMBB1904	SSI	1/22/2020	90	1.1	148,280	n/a	2.0 triệu	16.84%	2,900	3,190	n/a	1,498.40	2.13
CREE1903	SSI	4/22/2020	181	1.1	10,480	n/a	1.0 triệu	23.35%	7,600	6,600	n/a	3,202.50	2.06
CVHM1902	SSI	4/22/2020	181	1.1	6,560	n/a	1.0 triệu	26.75%	18,600	15,810	n/a	8,002.50	1.98
CVIC1902	SSI	4/22/2020	181	1.1	3,000	n/a	1.0 triệu	20.94%	22,700	20,300	n/a	9,461.30	2.15
CVNM1903	SSI	4/22/2020	181	1.1	69,210	n/a	1.0 triệu	18.92%	26,600	28,810	n/a	17,149.10	1.68
CFPT1905	SSI	4/22/2020	181	1.1	14,340	n/a	1.0 triệu	20.38%	9,900	10,180	n/a	5,492.10	1.85
CFPT1904	MBS	11/19/2019	26	3.1	190,890	202.5%	3.0 triệu	20.38%	1,700	2,400	32.60%	1,935.00	1.24
CREE1901	MBS	11/19/2019	26	3.1	47,700	-65.2%	3.0 triệu	23.35%	1,260	730	19.67%	201.50	3.62
CMWG1906	MBS	12/16/2019	53	5.1	232,010	288.3%	3.0 triệu	20.47%	2,850	2,800	12.45%	1,730.70	1.62
CMWG1903	HSC	12/30/2019	67	5.1	143,640	348.9%	2.0 triệu	20.47%	2,700	6,840	10.14%	6,655.20	1.03
CMWG1905	VCSC	12/9/2019	46	5.1	261,150	12276.8%	1.5 triệu	20.47%	5,600	6,900	9.35%	6,812.20	1.01
CFPT1903	SSI	12/30/2019	67	1.1	28,070	212.6%	2.0 triệu	20.38%	6,000	14,000	9.29%	12,859.30	1.09
CMWG1904	SSI	12/30/2019	67	1.1	158,830	530.0%	1.0 triệu	20.47%	14,000	39,120	8.67%	38,281.40	1.02
CMWG1902	VND	12/11/2019	48	4.1	81,280	247.9%	2.4 triệu	20.47%	2,990	9,500	8.57%	9,515.10	1.00
CVJC1902	SSI	4/22/2020	181	1.1	55,910	80.3%	1.0 triệu	15.60%	27,900	33,000	3.45%	18,757.70	1.76
CVNM1901	KIS	12/13/2020	416	10.1	226,210	-77.2%	5.0 triệu	18.92%	1,200	570	1.79%	2.20	259.09
CVNM1902	KIS	3/26/2020	154	10.1	52,090	374.0%	5.0 triệu	18.92%	1,900	2,910	1.39%	3,783.10	0.77
CSTB1901	KIS	1/9/2020	77	1.1	419,550	202.9%	1.5 triệu	20.52%	1,390	1,590	1.27%	499.30	3.18
CVJC1901	KIS	2/26/2020	125	10.1	33,570	181.4%	5.0 triệu	15.60%	1,800	2,900	0.69%	3,035.30	0.96
CDPM1901	KIS	1/9/2020	77	1.1	27,230	151.0%	1.5 triệu	27.03%	1,900	2,220	0.45%	977.00	2.27
CREE1902	SSI	1/22/2020	90	1.1	6,910	-94.4%	1.0 triệu	23.35%	5,600	5,700	0.00%	2,289.60	2.49
CMBB1902	HSC	12/17/2019	54	1.1	321,120	375.6%	1.0 triệu	16.84%	3,200	3,900	0.00%	1,447.00	2.70
CVHM1901	KIS	2/7/2020	106	4.1	3,100	-61.3%	5.0 triệu	26.75%	3,100	3,170	-0.31%	961.30	3.30
CNVL1901	KIS	2/7/2020	106	4.1	113,700	77.3%	5.0 triệu	20.25%	1,900	2,220	-1.77%	623.00	3.56
CVIC1901	KIS	11/14/2019	21	5.1	98,630	49.7%	2.0 triệu	20.94%	1,960	370	-9.76%	-	n/a
CHPG1905	SSI	12/30/2019	67	1.1	131,460	201.3%	1.0 triệu	27.93%	3,300	1,920	-10.28%	680.80	2.82
CMSN1901	KIS	11/14/2019	21	5.1	484,920	347.6%	1.8 triệu	22.77%	1,920	400	-11.11%	0.50	800.00
CHPG1906	KIS	11/14/2019	21	2.1	288,950	-29.7%	5.0 triệu	27.93%	1,500	130	-18.75%	-	n/a
CVRE1901	KIS	11/14/2019	21	2.1	385,980	565.7%	2.5 triệu	26.05%	1,900	300	-18.92%	0.10	3,000.00
CHPG1902	KIS	12/11/2019	48	5.1	268,990	77.7%	6.0 triệu	27.93%	1,000	90	-25.00%	-	n/a
Tổng:					4,372,860		78.2 triệu	21.74%**					

Chú thích: *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 24/10/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.

- Về giá, CFPT1904 và CREE1901 tăng mạnh nhất lần lượt là 32.60% và 19.67%. Ngược lại, CHPG1902, CHPG1906, và CVRE1901 giảm mạnh nhất lần lượt là -25.00%, -18.75% và -18.92%. Với việc bắt đầu giao dịch của tám chứng quyền mới hôm nay, thanh khoản thị trường tăng mạnh 93.58%. CMSN1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 11% thị trường.

- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, MWG và VJC, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CVNM1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. MWG vận động tăng mạnh trong phiên hôm nay sau giai đoạn tích lũy quanh mức 924. Thanh khoản tăng mạnh đồng thuận với tín hiệu tăng ngắn hạn bởi các chỉ báo động lượng. Vận động tăng của MWG có thể tạo động lực tăng giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MWG	127.50	3.49	1.72
FPT	58.20	3.19	1.36
HDB	29.20	3.36	0.91
VCB	86.90	1.88	0.66
HPG	22.00	0.69	0.35

Source: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	21.8	-1.58	-0.84
TCB	23.9	-0.42	-0.32
MSN	75.6	-0.26	-0.13
STB	11.0	-0.45	-0.12
GMD	27.2	-0.73	-0.07

Source: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG1907	25,200	21,000	22,000
CMBB1903	26,000	22,000	22,950
CMBB1904	24,900	22,000	22,950
CREE1903	43,600	36,000	36,700
CVHM1902	103,600	85,000	86,100
CVIC1902	137,700	115,000	117,200
CVNM1903	146,600	120,000	132,600
CFPT1905	64,900	55,000	58,200
CFPT1904	57,100	52,000	58,200
CREE1901	41,330	37,550	36,700
CMWG1906	135,150	120,900	127,500
CMWG1903	25,800	95,000	127,500
CMWG1905	122,000	94,000	127,500
CFPT1903	56,154	45,140	58,200
CMWG1904	165,000	90,000	127,500
CMWG1902	48,130	90,000	127,500
CVJC1902	157,900	130,000	144,900
CVNM1901	46,340	156,285	132,600
CVNM1902	152,333	133,333	132,600
CSTB1901	12,278	10,888	10,950
CVJC1901	163,678	145,678	144,900
CDPM1901	15,888	13,988	14,350
CREE1902	41,600	36,000	36,700
CMBB1902	26,300	21,800	22,950
CVHM1901	102,288	89,888	86,100
CNVL1901	69,688	62,088	60,900
CVIC1901	150,688	140,888	117,200
CHPG1905	93,300	23,100	22,000
CMSN1901	98,488	88,888	75,600
CHPG1906	31,088	28,088	22,000
CVRE1901	44,688	40,888	32,700
CHPG1902	166,285	41,999	22,000

Source: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	127.5	3.5%	0.7	2,454	8.5	7,893	16.2	5.4	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	83.7	1.1%	1.0	810	2.4	4,839	17.3	4.5	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	70.7	-0.1%	1.3	2,154	0.3	1,505	47.0	3.2	25.3%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	32.8	0.3%	0.7	330	0.1	2,801	11.7	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	117.2	0.1%	1.1	17,050	2.0	1,643	71.3	4.8	15.1%	8.3%
VRE	Bất động sản	32.7	1.4%	1.1	3,311	3.5	1,033	31.7	2.7	31.4%	8.8%
NVL	Bất động sản	60.9	0.7%	0.8	2,464	1.0	3,579	17.0	2.8	7.4%	17.8%
REE	Bất động sản	36.7	1.1%	1.0	495	1.0	5,261	7.0	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	15.9	0.3%	1.4	364	0.3	3,215	4.9	1.0	68.6%	25.9%
SSI	Chứng khoán	21.3	2.4%	1.4	471	1.3	1,737	12.3	1.2	56.9%	10.9%
VCI	Chứng khoán	35.0	0.6%	1.0	250	0.0	5,067	6.9	1.6	38.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	22.5	1.6%	1.5	299	0.8	1,287	17.5	1.6	56.2%	10.2%
FPT	Công nghệ	58.2	3.2%	0.8	1,716	5.6	4,349	13.4	3.0	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	45.0	0.0%	0.4	487	0.0	4,156	10.8	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	102.4	1.2%	1.5	8,521	0.7	5,886	17.4	4.3	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	57.5	0.5%	1.5	2,977	0.2	3,350	17.2	3.4	13.3%	20.1%
PVS	Dầu khí	18.3	2.2%	1.7	380	0.7	2,397	7.6	0.7	22.3%	10.0%
BSR	Dầu khí	9.6	0.0%	0.8	1,294	1.0	1,163	8.3	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	93.5	-0.2%	0.5	532	0.0	4,535	20.6	3.9	54.3%	19.4%
DPM	Hóa chất	14.4	-0.3%	0.7	244	0.1	650	22.1	0.7	19.1%	3.7%
DCM	Hóa chất	7.5	-0.5%	0.6	173	0.0	897	8.4	0.6	2.5%	7.3%
VCB	Ngân hàng	86.9	1.9%	1.3	14,013	2.5	5,274	16.5	4.0	23.9%	27.1%
BID	Ngân hàng	40.3	0.5%	1.5	5,990	0.9	2,091	19.3	2.5	3.4%	13.7%
CTG	Ngân hàng	21.5	0.2%	1.6	3,481	1.5	1,470	14.6	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	21.8	-1.6%	1.2	2,329	1.8	3,341	6.5	1.3	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	23.0	0.2%	1.1	2,278	3.6	3,267	7.0	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	23.6	0.4%	1.1	1,664	0.9	3,651	6.5	1.5	44.3%	25.9%
BMP	Nhựa	52.9	-0.6%	0.9	188	0.3	5,017	10.5	1.8	79.1%	17.1%
NTP	Nhựa	37.0	-0.8%	0.3	144	0.1	4,603	8.0	1.3	20.8%	17.8%
MSR	Tài nguyên	16.7	-1.2%	1.2	653	0.0	732	22.8	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.0	0.7%	1.0	2,641	4.9	2,760	8.0	1.4	37.5%	19.9%
HSG	Thép	7.2	1.6%	1.5	132	0.6	425	16.8	0.6	17.0%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	132.6	0.2%	0.8	10,039	3.0	5,465	24.3	8.1	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	253.0	0.4%	0.8	7,054	0.1	6,735	37.6	9.3	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	75.6	-0.3%	1.2	3,842	0.9	3,304	22.9	2.8	40.3%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	18.7	0.3%	0.5	476	1.0	445	41.9	1.7	5.9%	3.9%
ACV	Vận tải	78.5	0.4%	0.8	7,430	0.1	2,630	29.8	5.6	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	144.9	0.6%	1.1	3,300	2.9	9,850	14.7	5.6	19.8%	43.3%
HVN	Vận tải	35.3	1.1%	1.7	2,177	0.4	1,747	20.2	2.8	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	27.2	-0.7%	0.8	351	0.4	1,888	14.4	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	16.8	0.3%	0.6	205	0.3	2,435	6.9	1.2	30.6%	17.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	87.9	0.3%	0.9	599	0.4	8,338	10.5	4.4	2.1%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.1	-0.5%	0.8	372	0.0	1,327	14.4	1.3	13.5%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.6	3.4%	0.8	275	0.3	1,912	8.7	1.1	6.1%	13.8%
CTD	Xây dựng	83.3	0.4%	0.7	276	0.1	9,842	8.5	0.8	48.7%	9.3%
VCG	Xây dựng	26.6	0.4%	1.1	511	0.2	1,352	19.7	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	24.4	0.6%	0.5	262	0.2	387	63.0	1.2	52.0%	1.9%
POW	Điện	13.1	0.8%	0.6	1,334	0.8	820	16.0	1.3	14.3%	7.8%
NT2	Điện	23.3	0.0%	0.6	292	0.4	2,721	8.6	1.6	19.7%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	86.90	1.88	1.75	660180.00
GAS	102.40	1.19	0.68	150780.00
MWG	127.50	3.49	0.56	1.55MLN
FPT	58.20	3.19	0.36	2.23MLN
VRE	32.70	1.40	0.31	2.45MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.60	0.43	0.17	920000.00
NVB	9.10	4.60	0.16	4.01MLN
SHB	6.60	1.54	0.11	501300.00
PVS	18.30	2.23	0.10	887100.00
L14	56.40	5.03	0.03	28300.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VPB	21.80	-1.58	-0.25	1.86MLN
TCB	23.85	-0.42	-0.10	1.44MLN
BHN	74.80	-1.58	-0.08	3540.00
MSN	75.60	-0.26	-0.07	272770.00
KBC	15.05	-2.90	-0.06	918920.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MBG	38.00	-5.24	-0.04	261500.00
SLS	42.00	-12.32	-0.04	1300.00
HUT	2.40	-4.00	-0.02	1.46MLN
INN	32.00	-4.19	-0.02	9600.00
AMV	18.00	-2.70	-0.02	11300.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PTL	5.35	7.00	0.01	121690.00
VRC	16.05	7.00	0.02	1.05MLN
TS4	4.44	6.99	0.00	22370.00
HUB	21.45	6.98	0.01	70.00
DXV	3.32	6.75	0.00	10.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTC	3.30	10.0	0.00	200.00
DAD	18.70	10.0	0.00	3700.00
VNF	29.70	10.0	0.01	2600.00
MAS	49.60	10.0	0.01	5200.00
VTs	24.40	9.9	0.00	300.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PXI	1.86	-7.00	0.00	30080.00
VSI	23.25	-7.00	-0.01	590.00
FTM	3.47	-6.97	0.00	969020.00
CMX	18.10	-6.94	-0.01	136140.00
LAF	8.38	-6.89	0.00	100.00

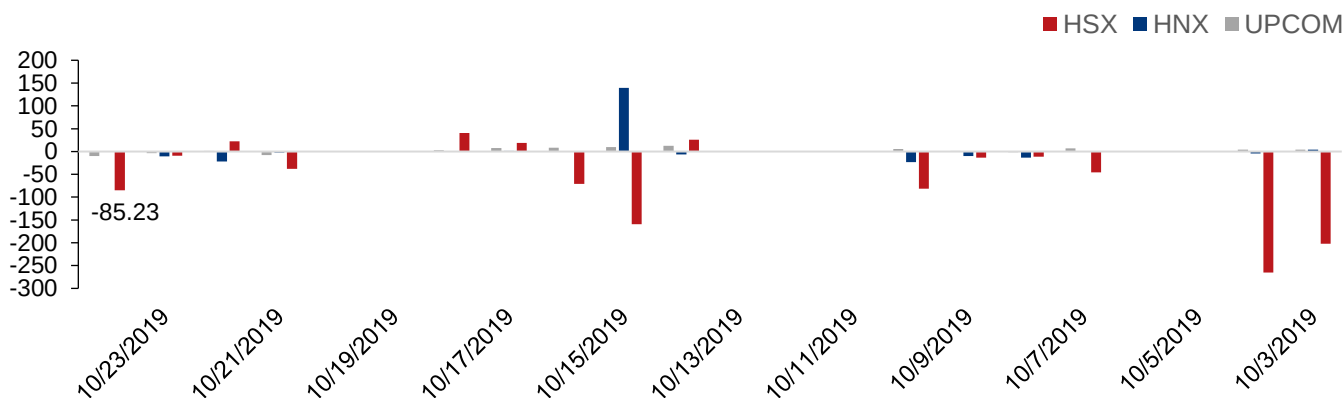
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SLS	42.00	-12.32	-0.04	1300.00
TJC	5.60	-9.68	0.00	1200.00
SAF	43.40	-9.58	-0.01	100.00
PIA	31.20	-9.57	-0.01	100.00
EBS	7.80	-9.30	0.00	200.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
3	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi	Phân tích vĩ mô		Click
9	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
10	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
11	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
16	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	19.2	2,582	7.4	0.9	Click
2	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	39.0	3,678	10.6	0.7	Click
3	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	75.6	3,304	22.9	2.8	Click
4	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	132.6	5,465	24.3	8.1	Click
5	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.5	2,887	7.8	1.6	Click
6	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	36.7	5,261	7.0	1.2	Click
7	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	78.5	14,958	5.2	1.5	Click
8	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.1	2,076	3.9	0.5	Click
9	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	23.6	3,651	6.5	1.5	Click
10	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	14.3	1,098	13.0	1.2	Click
11	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	86.9	5,274	16.5	4.0	Click
12	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	23.9	1,723	13.9	1.8	Click
13	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	23.0	3,267	7.0	1.4	Click
14	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	53.2	2,801	19.0	3.1	Click
15	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	27.2	1,888	14.4	1.3	Click
16	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	26.8	3,391	7.9	1.8	Click
17	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	58.2	4,349	13.4	3.0	Click
18	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	14.5	649	22.3	1.3	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	127.5	7,893	16.2	5.4	Click
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	8/9/2019	84.8	97.2	83.7	4,839	17.3	4.5	Click

TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER
Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express FPT 2019Q4	3/10/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 73500; Giá tại Publish 56500 Về Chuyển đổi số ở FPT (1) Trong nội bộ FPT: gồm 3 mục tiêu chính (a) new model (b) tăng trải nghiệm khách hàng và © tối ưu hóa chi phí. Trong đó, F-Soft tập trung vào (a), F-Tel tập trung vào (b). Tiến độ: Đã hoàn thành kế hoạch cụ thể. Trong Q4.2019, thực hiện và triển khai. Đầu năm sẽ đưa ra kết quả nhưng điều làm được và kết quả. (2) Trong hợp tác với khách hàng: tập trung vào các dự án Chuyển đổi số. Khách hàng nước ngoài: biên LNTT của dự án CDS khoảng 19-20% (so với 16 – 17% LNTT dự án truyền thống). Khách hàng trong nước: mới làm việc với một số doanh nghiệp và đa có nhưng dự án và kế hoạch sơ bộ CDS chủ yếu đều từ các khách hàng cũ, chủ yếu ở các lĩnh vực: automatics, logistics, utility. Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 24650 Về định hướng 3 năm tới Phát triển khu công nghiệp (1 cụm vs 1 khu KCN): (1) Cách ghi nhận: đều từng năm (2) 1 cụm 48 ha ở Tân An Vinh Cầu để #ây dựng cho thuê. Giá cho thuê quanh đó: 55 USD/50 năm. (3) 1 khu 640 ha (đang trình thủ tướng thành 750 ha): mới hoàn thành 14 ha. Năm 2020 đột biến về DT: (1) Ghi nhận doanh thu BOT 319 Nhơn Trạch (2) Ghi nhận dự án Bất động sản Khu dân cư (Lợi nhuận 30%). CTI phụ trách thi công hạ tầng, giao đất, hiện đang tìm đối tác phân phối độc quyền. DT dự kiến ghi nhận là 1,300 tỷ. (3) Dự kiến ghi nhận Nhà ở xã hội: đã bán và đóng thuế tạm tính nhưng chưa ghi nhận doanh thu (330 tỷ - 2 block).
Express CTI 2019Q4	2/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 23450 Kết quả kinh doanh Q3.2019 (1) DT Q3 337 tỷ LNTT 74 tỷ (2) Dự kiến LNTT kế hoạch 2020 250 bil (3) Hoàn thành dự án thay thế điện phân và duy trì được sản lượng ổn định và tăng công suất 10 – 15%. Về giá bán các sản phẩm giá bán vẫn cạnh tranh với xút nhập khẩu (1) Giá xút nhập khẩu giảm do dư cung ở thị trường thế giới với mức 12,253,000 VND/tấn với xút 100%. (2) Giá Axit clo 2,354,000 vnd/tấn +16% YoY. (3) Các sản phẩm khác giá bán duy trì, không thấp hơn so với 2018
Express CSV 2019Q4	30/9/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 79500 Về hoạt động kinh doanh Q4.2019: (1) Giá bán của các thị trường bình ổn như Q3. (2) Hợp đồng ký trong Q4 đã hoàn tất và dự kiến sản lượng ký bán tăng khá nhiều (mùa tiêu thụ như VHC kỳ vọng). (3) Số T7 + T8 giảm (chứ ko tăng như kỳ vọng trước của công ty) do việc đẩy sản lượng Trung Quốc để bù phần của Mỹ không được như kỳ vọng (do văn hóa khác nhau). (4) Các hợp đồng ký cho năm 2020 đang được thương thảo: giá kỳ vọng ổn định
Express VHC 2019Q4	27/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 26200 Về KQKD 9T: (1) Lũy kế 9T, DT đạt 3,105 tỷ (+13.5% YoY), LNTT đạt 594 tỷ (+71.2% YoY). Trong đó, riêng Q3 đạt 1,130 tỷ (+7.4% YoY) và LNTT đạt 185 tỷ (+40% YoY). Như vậy, công ty đã hoàn thành tương ứng 66% KH DT và 72% KH LNTT. (2) Biên LNG mở rộng do (1) tăng tự chủ mảng thức ăn; (2) chi phí đầu vào giảm. Về công suất hoạt động (1) Công suất cá giống: 20,000 cặp cá bố mẹ, tạo ra hơn 20 tỷ con giống/năm. Công ty đang tự chủ 30% nhu cầu con giống, dự kiến tăng lên 70% năm 2020 và 100% năm 2021. (2) Diện tích vùng nuôi: 250ha (+600ha vùng nuôi Bình Phú) -> sản lượng cung cấp tối đa là 320,000 tấn/năm. (3) Công suất nhà máy: Đang hoạt động 400 tấn/1,200 tấn/ngày

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn